

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH,
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24/2018/ HNGĐ-ST**

Ngày 13 tháng 3 năm 2018

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Miên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hải Hưng

2. Bà Lê Ngọc Kiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 13 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện U Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2018/TLST/HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2018/QĐST - HNGĐ ngày 05/3/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị H

Địa chỉ cư trú: huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh T

Địa chỉ cư trú: huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh T và chị H được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2012 nhưng không đăng ký kết hôn, do cuộc sống chung hai người không hạnh phúc ngày 22 – 02 – 2018 chị H có Đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T; anh T đồng ý ly hôn.

Con chung: N, sinh ngày 31 – 01 – 2013 hiện đang do chị H trực tiếp chăm sóc, anh T và chị H thống nhất giao chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Cấp dưỡng cho con: Chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng theo quy định của pháp luật, anh T đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ.

Tài sản chung: Anh T, chị H không yêu cầu Tòa án phân chia.

Nợ chung: Anh T, chị H xác định không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Việc vắng mặt đương sự*: Chị H là nguyên đơn trong vụ án đã có ý kiến bằng văn bản là từ chối tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, đồng ý Tòa án xét xử vắng mặt chị; theo quy định tại khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

[2] *Xét yêu cầu của chị H*: Anh T và chị H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2012, tuy có đủ các điều kiện kết hôn nhưng anh chị không đăng ký kết hôn theo luật Hôn nhân và Gia đình quy định. Mặc dù anh T và chị H có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán nhưng lại không đăng ký kết hôn; theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình thì quan hệ giữa anh T và chị H không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] *Con chung*: N, sinh ngày 31 – 01 – 2013 hiện đang do chị H trực tiếp chăm sóc, anh T và chị H đã thông nhất giao chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng N. Sự thỏa thuận này của anh T và H phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] *Cấp dưỡng cho con*: Chị H yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa anh T đồng ý cấp dưỡng cho N mỗi tháng 1.000.000 đồng; Phương thức cấp dưỡng hàng tháng; Thời hạn cấp dưỡng từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi N đủ 18 tuổi.

[5] *Tài sản chung*: Anh T, chị H không yêu cầu Tòa án phân chia nên không giải quyết trong vụ án này.

[6] *Nợ chung*: Anh T, chị H xác định, không.

[7] *Án phí*: Tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội anh T phải chịu án phí cấp dưỡng cho con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; khoản 1 và 2 Điều 81; khoản 2 và 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 6 Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: [1] Quan hệ giữa chị H và anh T không được công nhận quan hệ vợ chồng.

[2] Con chung: N, sinh ngày 31 – 01 – 2013 giao cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Cấp dưỡng cho con: Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho N mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi N đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền cấp dưỡng cho con, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm chị H phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0011833 ngày 26 – 02 – 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh; chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí cấp dưỡng cho con anh T phải chịu 300.000 đồng.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện U Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án U Minh.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Xuân Miến